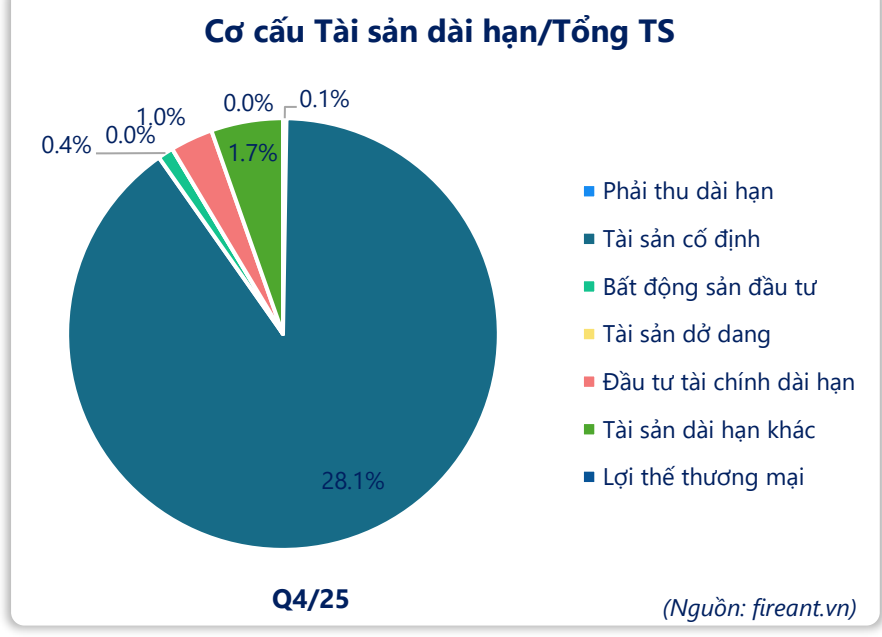
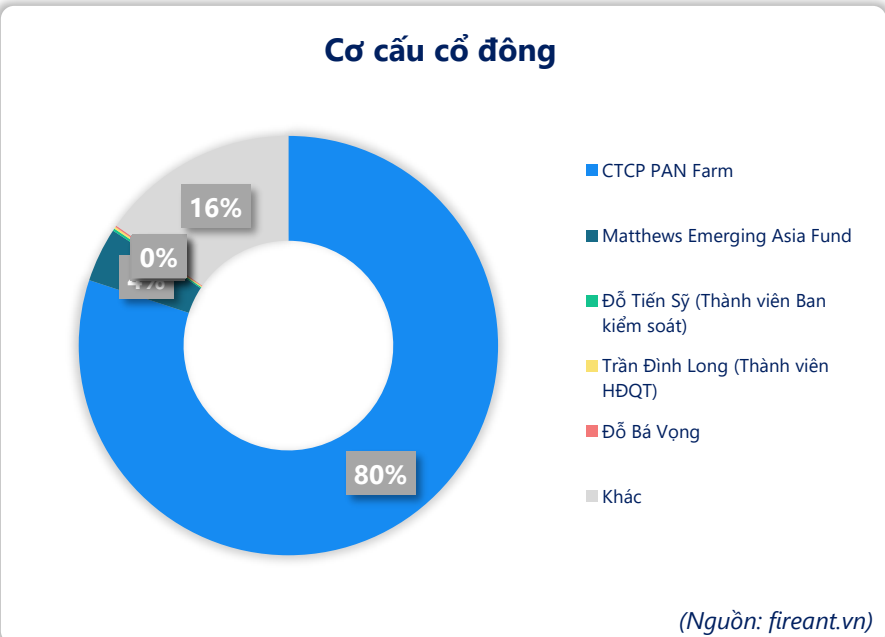
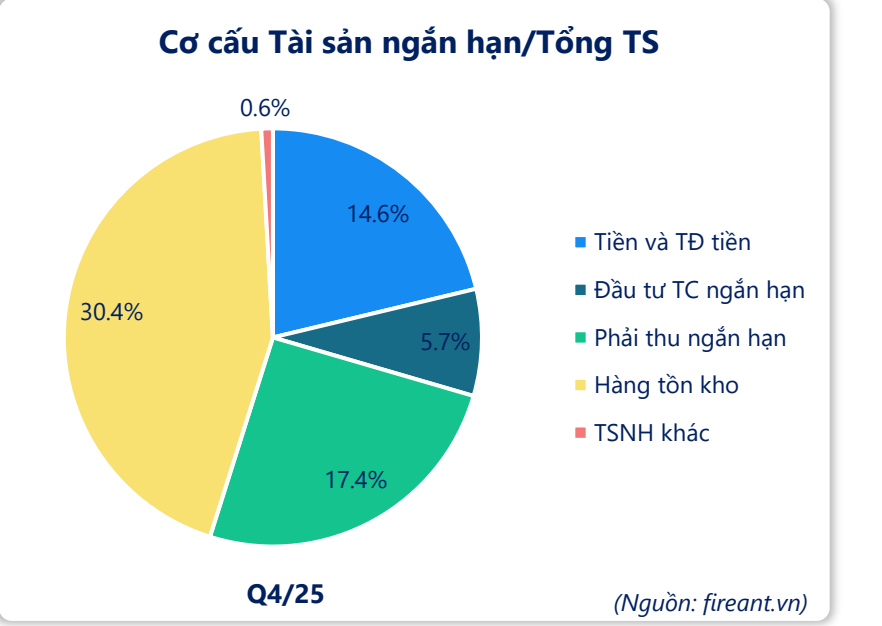
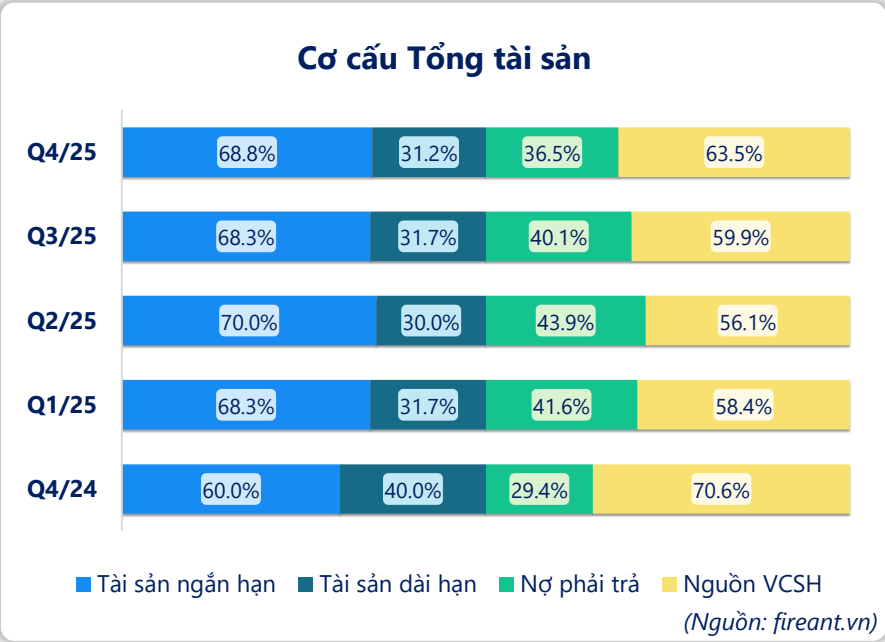
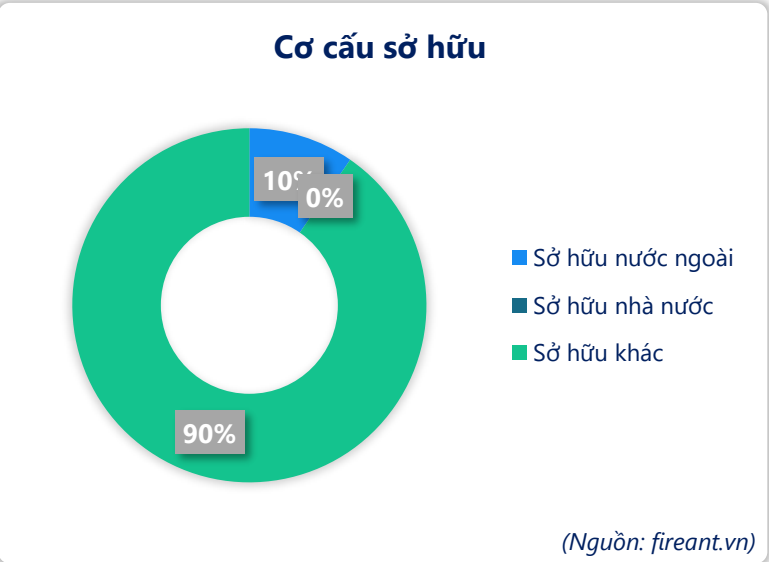
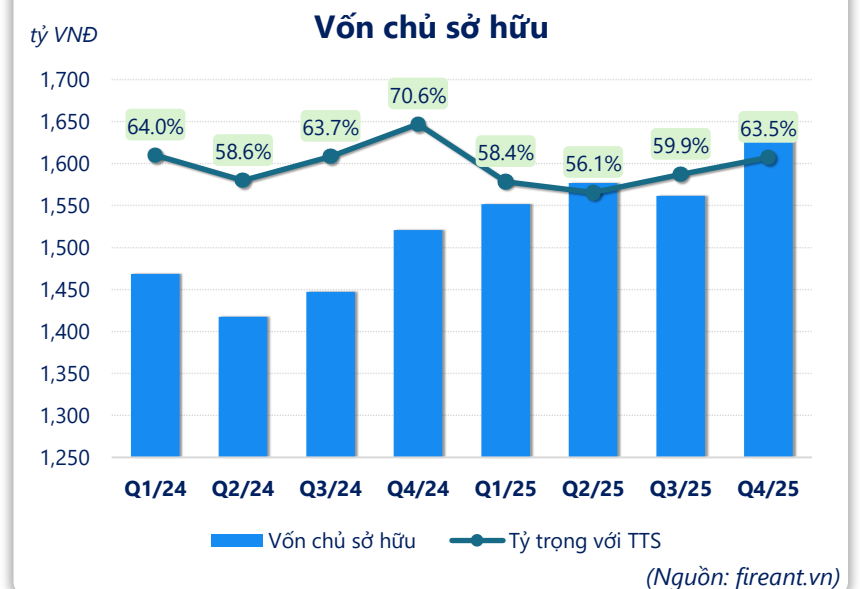
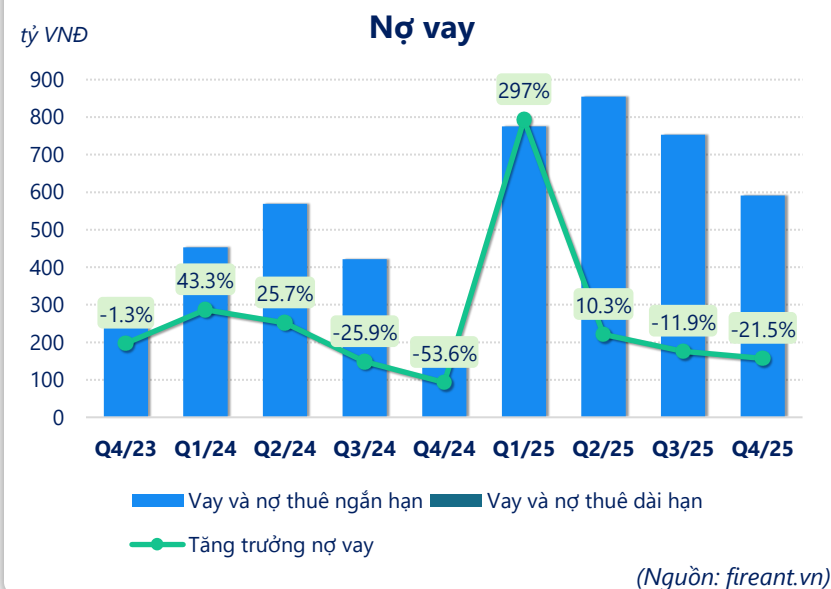
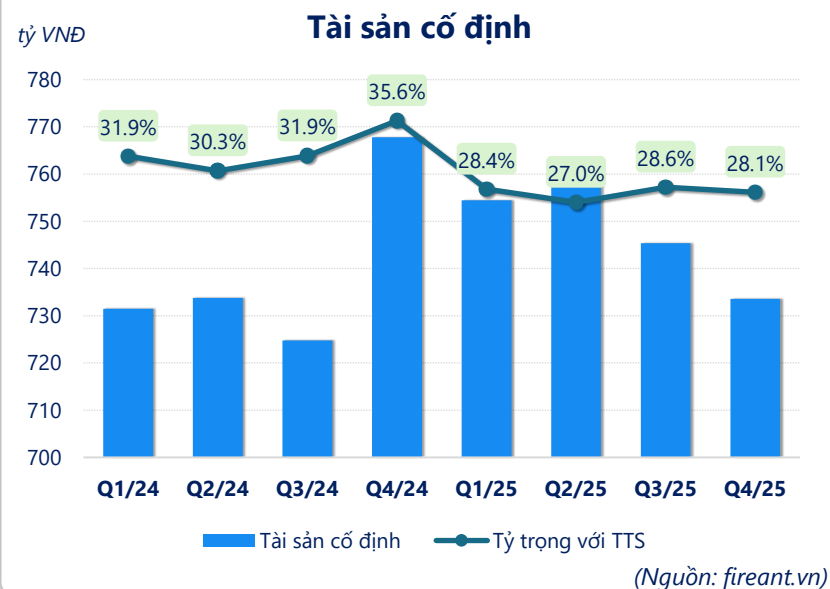
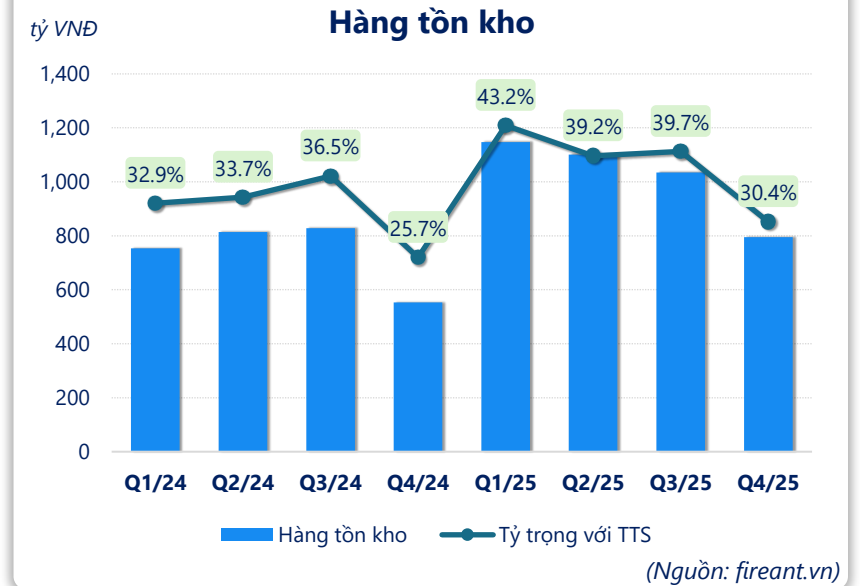
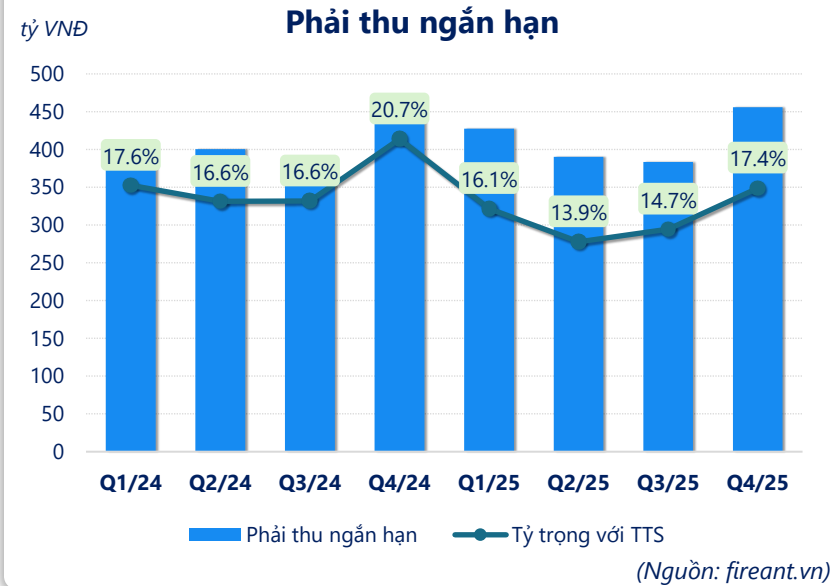
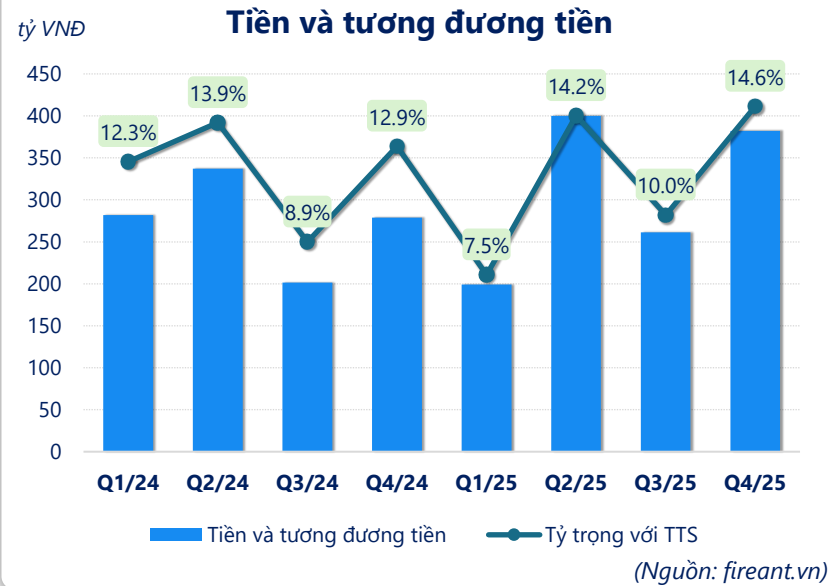
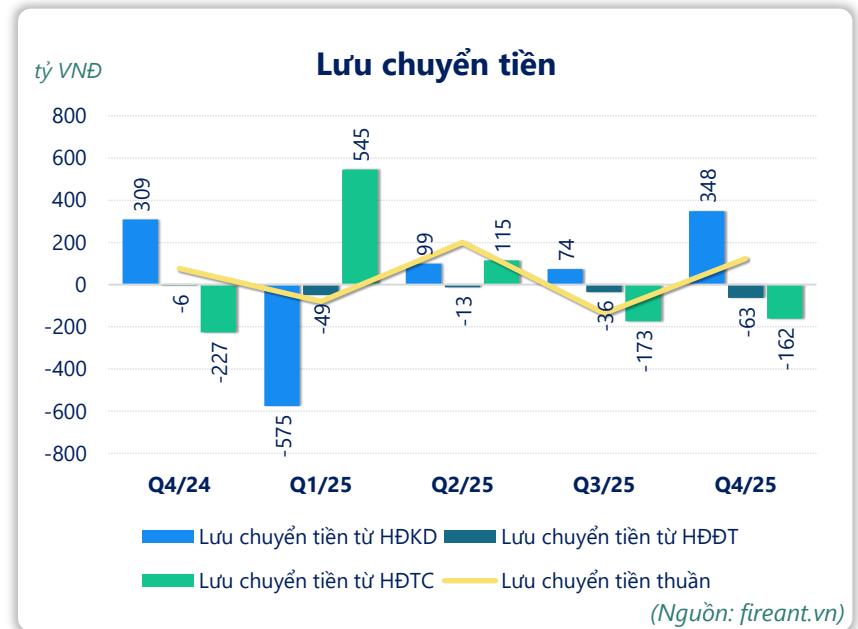
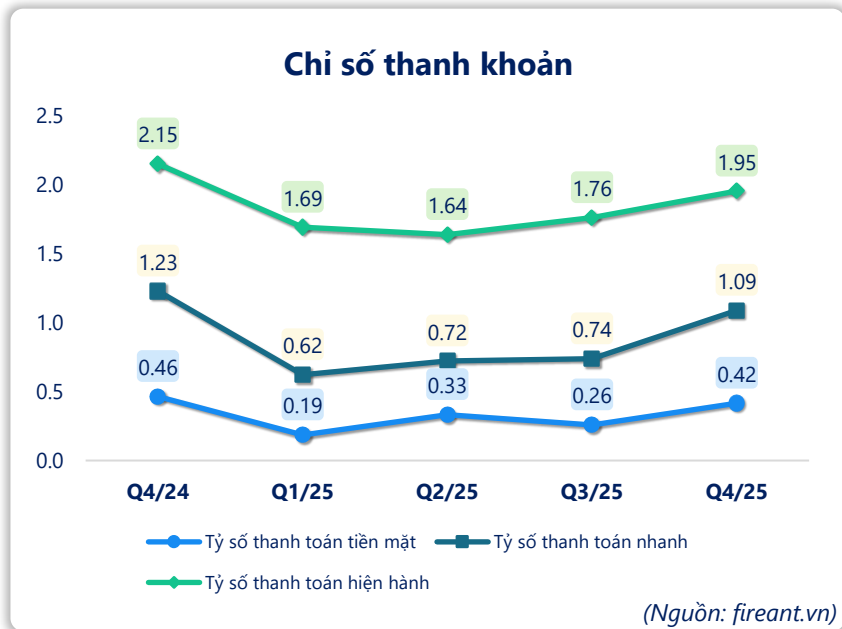
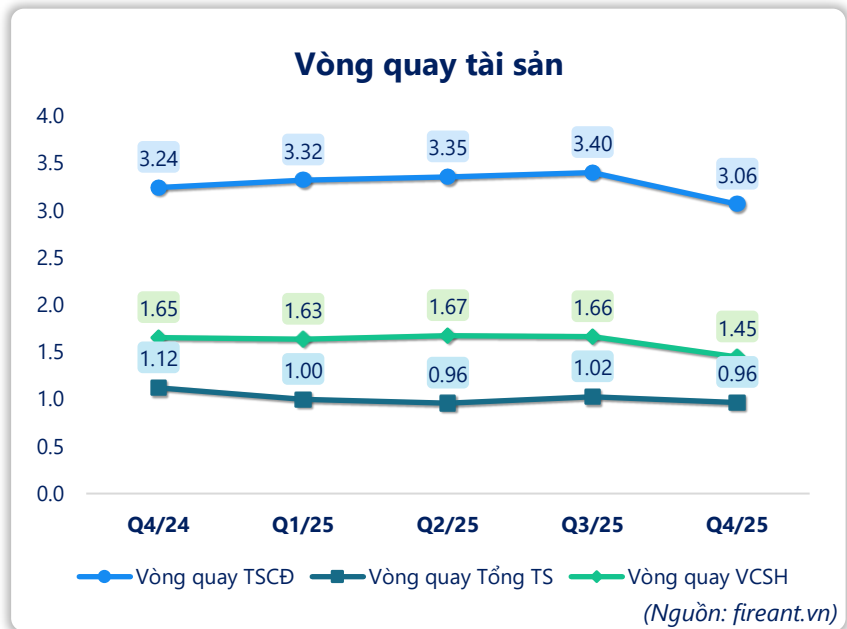
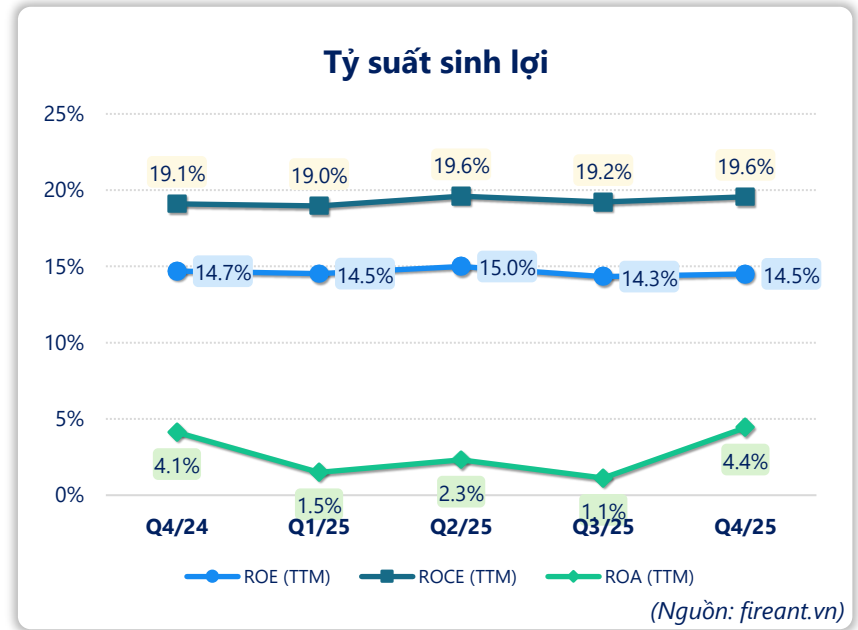
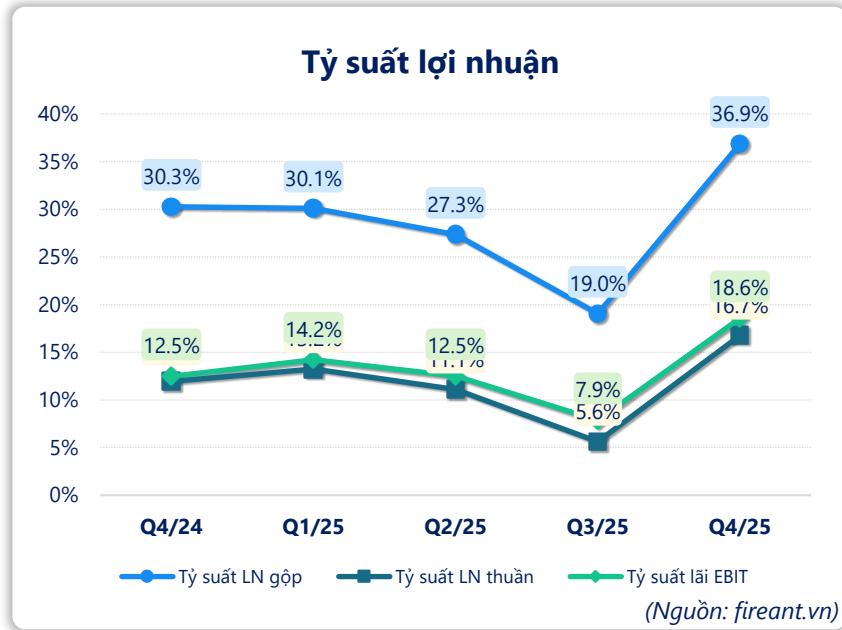
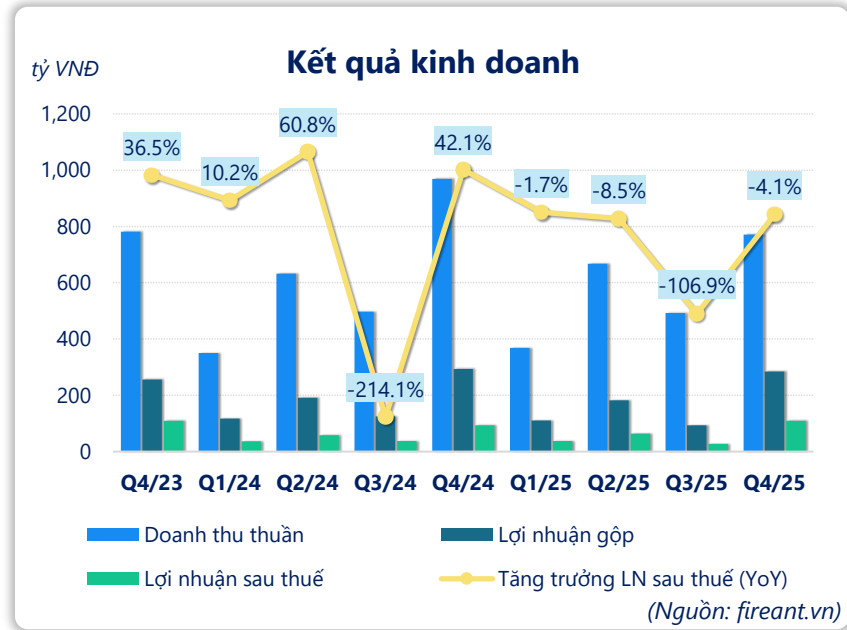


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		77,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		85,509
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		73,239
SL cổ phiếu LH		17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,645
% sở hữu nước ngoài		9.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,357
P/E		5.9
EPS		13,132

	YTD	1T	3T	6T
NSC	4.4%	0.9%	-1.0%	-4.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,613	2,155	21.3%
Tài sản ngắn hạn	1,798	1,291	39.3%
Tiền và tương đương tiền	382	279	37.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	148	2.03	7223%
Phải thu ngắn hạn	456	444	2.6%
Hàng tồn kho	795	554	43.6%
Tài sản ngắn hạn khác	16.0	11.8	35.7%
Tài sản dài hạn	815	864	-5.7%
Phải thu dài hạn	2.11	0.82	156%
Tài sản cố định	734	768	-4.5%
Bất động sản đầu tư	9.54	10.8	-11.9%
Tài sản dở dang	0	10.6	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	43.9	42.4	3.4%
Lợi thế thương mại	0	5.81	-100%
Nợ phải trả	953	634	50.2%
Nợ ngắn hạn	920	602	53.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	591	195	203%
Phải trả người bán ngắn hạn	80.2	121	-33.9%
Nợ dài hạn	32.6	32.6	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,660	1,521	9.2%
Vốn chủ sở hữu	1,660	1,521	9.2%
Vốn điều lệ	176	176	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	969	368	668	493	771
Giá vốn hàng bán	676	257	486	399	487
Lợi nhuận gộp	293	111	183	93.8	284
Doanh thu HĐTC	3.86	3.83	7.84	7.75	8.91
Chi phí TC	13.5	5.05	15.7	9.68	19.6
Chi phí lãi vay	4.14	4.15	9.42	8.89	8.91
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	94.2	31.6	63.2	34.8	75.5
Chi phí QLDN	73.7	29.3	37.3	29.4	68.9
LN thuần từ HĐKD	116	48.7	74.1	27.7	129
Lợi nhuận khác	1.14	-0.52	-0.09	2.20	5.10
LN trước thuế	117	48.2	74.0	29.9	134
Lợi nhuận sau thuế	93.5	37.6	63.5	27.5	109
LNST của CĐ cty mẹ	90.4	37.0	60.7	27.5	106

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	309	-575	98.6	73.6	348
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.95	-48.8	-13.0	-36.4	-63.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-227	545	115	-173	-162
Tiền đầu kỳ	202	279	199	400	261
Lưu chuyển tiền thuần	76.1	-79.7	200	-136	123
Ảnh hưởng tỷ giá	0.96	-0.02	0.97	-3.03	-2.15
Tiền cuối kỳ	279	199	400	261	382

(Nguồn: fireant.vn)